

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 9 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Ngân;

2. Ông Phạm Văn Kho;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Văn Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Quốc Uy, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2017/TLST HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Hương, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 - 6 - 2017; bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn (anh V) trình bày:

Tôi xây dựng gia đình với cô Trần Thị H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng năm 1994.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sống. Bản thân tôi bươn trải làm lo toan đến kinh tế gia đình, cô Hương ở nhà kinh doanh nhưng lại để riêng và không có trách nhiệm gì đến gia đình. Tôi đã nói chuyện với cô H để cuộc sống gia

đình đi vào một mối nhưng cô H không nghe và đã có lời nói xúc phạm tôi. Mọi việc trong gia đình vợ chồng bàn bạc thì mỗi người làm theo ý của mình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng, cứ mỗi lần nói chuyện lại xảy ra đánh cãi chửi nhau. Gia đình hai bên đã khuyên can, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng đều không có kết quả; dẫn đến việc hàng ngày đi làm về tôi phải tự lo liệu cho bản thân. Mặt khác trong cuộc sống gia đình cô H và tôi không tin tưởng nhau về lòng chung thủy. Do mâu thuẫn vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, cũng từ khi sống ly thân giữa chúng tôi không còn quan hệ gì với nhau nữa. Ngày 15/8/2017 trong lúc vợ chồng cãi nhau cô H đã dùng thanh sắt, mũ bảo hiểm đánh tôi công an xã đã phải đến lập biên bản. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng không hàn gắn được, cuộc sống chung không có hạnh phúc và không thể kéo dài, tôi xin được ly hôn cô H.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Phạm Thu H1, sinh ngày 05/4/1995 và Phạm Minh T, sinh ngày 15/01/2002; cháu H1 đã trưởng thành trên 18 tuổi tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T, tôi và cô H đều có nguyện vọng nuôi cháu, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu muốn ở với ai, tôi cũng đồng ý; về cấp dưỡng nuôi con, tôi và cô H tự thỏa thuận giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tại đơn xin ly hôn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, sau đó tôi đã có đơn xin rút lại 1 phần yêu cầu về tài sản chung và công nợ để chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đến Tòa án trình bày tại biên bản ghi lời khai, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không ký biên bản, tại các biên bản thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian vợ chồng lấy nhau và về con chung chị thống nhất với ý kiến anh V. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị từ năm 2015 do anh V có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và gia đình hai bên đã khuyên can nhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau có lần trong lúc va chạm chị bị anh V cắn vào tay. Từ khi anh V có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến không có trách nhiệm gì đến gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng, chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2015 đến nay và không còn quan hệ gì với nhau nữa. Mặt khác trong cuộc sống vợ chồng anh V thường xuyên đi chơi với bạn bè thông đêm đến sáng mới về. Nay anh V có đơn xin ly hôn, chị không muốn các con sống thiếu bố hoặc mẹ, còn anh V ra ngoài quan hệ với người phụ nữ nào chị đồng ý và không can thiệp; chị chỉ đồng ý sống ly thân như hiện nay không đồng ý ly hôn với anh V.

- Về con chung: Nếu ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Phạm Minh T, sinh ngày 15/01/2002 đến đủ 18 tuổi; còn cháu Phạm Thị H1, sinh ngày 05/4/1995 đến nay đã trưởng thành trên 18 tuổi không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, chị với anh V sẽ tự thỏa thuận giao nhận với nhau; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh V sẽ tự thỏa thuận giải quyết với

nhau; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; về phía bị đơn, kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng (đến Tòa án làm việc nhưng không ký biên bản, không đến phiên tòa theo Quyết định của Tòa án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định mặc dù đã nhận các văn bản của Tòa án giao đúng quy định pháp luật).

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh V được ly hôn chị H.

Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 15/01/2002 cho chị H nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cháu Phạm Thị H1, sinh ngày 05/4/1995, nay đã trưởng thành các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xét giải quyết và về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Tại đơn xin ly hôn, anh V yêu cầu chia tài sản chung; sau khi Tòa án thụ lý anh V đã rút yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án đã ra Thông báo gửi chị H, chị H không có ý kiến gì, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 01/7/1994.

Sau khi xây dựng gia đình, hai bên chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng nhau về quan điểm và cách sống; vợ chồng không còn lòng tin với nhau về kinh tế và chung thủy.

Dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi chửi nhau; gia đình và chính quyền địa phương đã khuyên giải nhiều lần không có kết quả, lần gần đây nhất vào ngày 15/8/2017 hai bên đánh nhau công an xã đã phải đến lập biên bản. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 và không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay anh V xin ly hôn, còn chị H xin đoàn tụ; Tòa án đã điều tra, xác minh theo yêu cầu của đương sự tại địa phương, UBND xã T, huyện K cho biết:

Mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng không hàn gắn được, cuộc sống chung giữa hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt; nay anh V xin ly hôn chị H cần được chấp nhận. Nên xử cho anh V được ly hôn chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Phạm Thu H1, sinh ngày 05/4/1995 và Phạm Minh T sinh ngày 15/01/2002. Cháu H1 đã trưởng thành trên 18 tuổi các bên không yêu cầu Tòa án xét giải quyết; nên không đặt ra xem xét. Cháu T, cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, xét nguyện vọng của cháu T muốn ở với chị H, nguyện vọng của cháu T phù hợp với ý kiến của chị H, đề nghị của chính quyền địa phương và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; căn cứ khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự tự thỏa thuận giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh V xin rút phần chia tài sản chung, chị H cũng chấp nhận để hai bên tự giải quyết, được chấp nhận nên không xem xét giải quyết.

Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn V được ly hôn chị Trần Thị H

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 15/01/2002 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 17.900.000đ anh V đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0006086 ngày 04/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh V đã chịu đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại anh V số tiền tạm ứng chia tài sản đã nộp là 17.600.000đ (Mười bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006086 ngày 04/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng.

Anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- TANDTP Hải Phòng;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc